

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thay;

Ông Nguyễn Thịnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1951; nơi cư trú: Số 53, tổ 5, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị M (G), sinh năm 1958; nơi cư trú: Số 53, tổ 5, khu phố 3, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông và bà M sống chung với nhau năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung đến khoảng năm 2010, phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, có những lời nói xúc phạm nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 và đến khoảng năm 2016 thì không ai quan tâm đến ai. Nay ông nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà M nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Quốc T, sinh năm 1982; Võ Quốc T1, sinh năm 1984; Võ Quốc T2, sinh năm 1986. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 07-4-2020, bị đơn bà Lê Thị M có ý kiến:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn; bà thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2010; nguyên nhân từ vấn đề tài chính của gia đình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân và sống riêng nhà đến nay. Tuy nhiên, bà và ông T đã lớn tuổi nên không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung họ tên, ngày tháng năm sinh như ông T trình bày, hiện các con chung trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, trong phần trình bày và tranh luận:

- Ông Võ Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà M, con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bà Lê Thị M đồng ý ly hôn với ông T, con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp phần tài sản chung, bà sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa ông T và bà M đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ khoảng năm 2010 cho đến nay không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết bà M không đồng ý ly hôn với ông T; tuy nhiên, tại phiên tòa bà M đồng ý ly hôn với ông T nên ghi nhận.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Võ Quốc T, sinh năm 1982; Võ Quốc T1, sinh năm 1984; Võ Quốc T2, sinh năm 1986. Các con đã thành niên, ông T, bà M không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà M không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

Do đó căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn T và bà Lê Thị M.

+ Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận ông T, bà M không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1976, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09-6-2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà M là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án bà M thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn khoảng từ năm 2010 nhưng không đồng ý ly hôn với ông T, tuy nhiên tại phiên tòa bà M đồng ý ly hôn với ông T, việc bà M đồng ý ly hôn với ông T là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn T và bà Lê Thị M.

[2] Về nuôi con chung: Ông T, bà M thống nhất có 03 con chung tên Võ Quốc T, sinh năm 1982; Võ Quốc T1, sinh năm 1984 và Võ Quốc T2, sinh năm 1986. Các con đã thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông T, bà M không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn T và bà Lê Thị M.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận ông T, bà M thống nhất các con đã thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ông T, bà M không yêu cầu giải quyết

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Văn T, bà Lê Thị M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND **thị trấn Tân Châu**;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc